

Số: 20/2017/QBS-CBTT

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2017

**CÔNG BỐ THÔNG TIN
TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ
NƯỚC VÀ SGĐCK TP.HCM**

Kính gửi/ To: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Quảng Bình
 - Mã chứng khoán: QBS
 - Địa chỉ trụ sở chính: Số 23 Lô 01 Khu 97 Bạch Đằng, Hạ Lý, Hồng Bàng, Hải Phòng
 - Điện thoại: (0225) 626.3333
 - Fax: (0225) 3533.679
 - Người thực hiện công bố thông tin: Phạm Thị Ngọc Ninh
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

Nội dung thông tin công bố (*):

Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2017

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 28/04/2017 tại đường dẫn: <http://quangbinhjsc.com.vn/news/273-bao-cao-tai-chinh-hop-nhat-quy-i-nam-2017>

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố./.

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)

* Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo tài chính hợp nhất quý I năm 2017



PHẠM THỊ NGỌC NINH



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/03/2017	01/01/2017
			VND	VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1,158,071,003,146	1,305,348,707,650
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	146,117,672,055	254,451,111,627
111	1. Tiền		38,413,430,004	90,746,869,576
112	2. Các khoản tương đương tiền		107,704,242,051	163,704,242,051
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	4	17,000,000,000	17,000,000,000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		17,000,000,000	17,000,000,000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		851,672,871,543	877,792,117,301
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	184,969,438,792	227,299,272,983
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	6	621,574,433,818	594,890,875,116
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	7	48,595,213,283	59,290,561,594
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)		(3,466,214,350)	(3,688,592,392)
140	IV. Hàng tồn kho	9	118,305,074,561	126,865,583,767
141	1. Hàng tồn kho		118,305,074,561	126,865,583,767
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		24,975,384,987	29,239,894,955
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	8,690,716,405	8,891,864,437
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		13,627,881,384	12,669,871,295
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	2,656,787,198	7,678,159,223
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		990,627,455,268	929,215,075,985
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		26,958,553,349	-
211	1. Phải thu dài hạn của khách hàng	5	27,236,525,918	-
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)		(277,972,569)	-
220	II. Tài sản cố định		270,378,719,401	272,675,170,946
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	183,603,277,962	185,899,729,507
222	- Nguyên giá		241,392,225,403	239,769,888,824
223	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(57,788,947,441)	(53,870,159,317)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	86,775,441,439	86,775,441,439
228	- Nguyên giá		86,820,441,439	86,820,441,439
229	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(45,000,000)	(45,000,000)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn	10	121,952,980,398	60,380,817,701
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		121,952,980,398	60,380,817,701
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	4	209,006,528,009	200,547,912,600
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		295,089,294,645	295,089,294,645
254	2. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)		(86,082,766,636)	(94,541,382,045)



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

260	VI. Tài sản dài hạn khác		362,330,674,111	395,611,174,738
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	13	295,421,382,783	326,753,467,751
269	2. Lợi thế thương mại		66,909,291,328	68,857,706,987
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		<u>2,148,698,458,414</u>	<u>2,234,563,783,635</u>

200731
CÔNG
CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP
KHẨU QUẢNG BÌNH
CÔNG TY CỔ PHẦN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

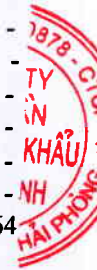
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2017

(tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/03/2017 VND	01/01/2017 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		1,305,148,429,807	1,406,479,109,320
310	I. Nợ ngắn hạn		948,406,007,222	1,104,393,874,235
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	185,252,159,887	233,053,534,423
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		1,735,958,219	2,032,192,077
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	1,573,941,397	438,026,795
314	4. Phải trả người lao động		194,371,405	823,374,808
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	16	348,628,543	348,628,543
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		436,363,636	-
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	17	9,023,844,086	9,285,704,139
	- Tài sản thừa chờ giải quyết		-	-
	- Kinh phí công đoàn		143,617,665	82,057,509
	- Bảo hiểm xã hội		105,562,450	-
	- Bảo hiểm y tế		18,408,757	-
	- Bảo hiểm thất nghiệp		8,181,650	-
	- Phải trả về cổ phần hoá		833,000,000	833,000,000
	- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn		32,500,000	-
	- Các khoản phải trả, phải nộp khác		7,882,573,564	8,370,646,630
	- Phải thu khác (Dư Có TK 1388)		-	-
	- Tạm ứng (Dư Có TK 141)		-	-
320	15. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18	745,239,861,784	854,806,253,986
	- Các khoản đi vay ngắn hạn		739,164,491,784	854,806,253,986
	- Nợ thuê tài chính ngắn hạn		6,075,370,000	-
	- Mệnh giá trái phiếu đến hạn thanh toán 12 tháng		-	-
321	17. Dự phòng phải trả ngắn hạn		-	-
	- Dự phòng bảo hành sản phẩm hàng hóa		-	-
	- Dự phòng bảo hành công trình xây dựng		-	-
	- Dự phòng tái cơ cấu doanh nghiệp		-	-
	- Dự phòng phải trả khác		-	-
322	18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		4,600,878,265	3,606,159,464
330	II. Nợ dài hạn		356,742,422,585	302,085,235,085
337	1. Phải trả dài hạn khác	17	-	47,500,000
338	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18	356,742,422,585	302,037,735,085
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		843,550,028,607	828,084,674,315
410	I. Vốn chủ sở hữu	19	843,550,028,607	828,084,674,315
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		693,299,280,000	693,299,280,000
411a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		693,299,280,000	693,299,280,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		(3,049,100,000)	(3,001,100,000)
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		9,761,921,400	7,727,786,496
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		95,077,667,292	80,151,676,197
421a	LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước		77,593,415,025	68,306,032,587
421b	LNST chưa phân phối kỳ này		17,484,252,267	11,845,643,610
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		48,460,259,915	49,907,031,622



Handwritten mark

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

440 **TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**

2,148,698,458,414

2,234,563,783,635



Trần Thị Yến Chi
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ kế toán từ ngày	Kỳ kế toán từ ngày
			01/01/2017 đến ngày 31/03/2017	01/01/2016 đến ngày 31/03/2016
			VND	VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	861,145,268,876	1,422,609,637,398
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		861,145,268,876	1,422,609,637,398
11	4. Giá vốn hàng bán	21	817,112,242,723	1,356,145,420,945
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		44,033,026,153	66,464,216,453
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22	1,688,420,541	7,057,707,525
22	7. Chi phí tài chính	23	7,479,977,949	17,732,769,969
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		15,081,716,145	14,563,625,155
24	8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết		-	-
25	9. Chi phí bán hàng	24	9,665,380,933	16,680,083,355
26	10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	9,047,026,396	7,544,489,426
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		19,529,061,416	31,564,581,228
31	12. Thu nhập khác	26	2,325,278,108	528,992,808
32	13. Chi phí khác	27	259,343,132	9,987,074
40	14. Lợi nhuận khác		2,065,934,976	519,005,734
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		21,594,996,392	32,083,586,962
51	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	28	4,996,770,150	6,219,109,773
52	17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	676,701,438
60	18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		16,598,226,242	25,187,775,751
61	19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ		17,484,252,267	25,730,235,051
62	20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát		(886,026,025)	(542,459,300)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	29	252	402
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu		239	394

CC
XUẤT
QU
HỒNG BÀ



[Handwritten signature]

[Handwritten signature]

Trần Thị Yến Chi
Người lập

Bùi Thị Ngọc
Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ kế toán từ ngày	Kỳ kế toán từ ngày
			01/01/2017 đến ngày 31/03/2017	01/01/2016 đến ngày 31/03/2016
			VND	VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	1. Lợi nhuận trước thuế		21,594,996,392	32,083,586,962
	6. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		5,867,203,783	2,508,647,537
03	- Các khoản dự phòng		(8,403,020,882)	(496,723,379)
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		173,539,031	(215,920,022)
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(1,271,404,816)	(2,712,662,241)
06	- Chi phí lãi vay		15,081,716,145	14,563,625,155
08	13 Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		33,043,029,653	45,730,554,012
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(36,962,352,028)	407,399,152,623
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		8,560,509,206	(356,669,009,763)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		(46,381,696,033)	35,740,061,526
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		31,533,233,000	(151,358,892,705)
14	- Tiền lãi vay đã trả		(15,081,716,145)	(12,963,625,155)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(9,642,353)	(11,541,745,892)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		-	-
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh			(2,500,000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(25,298,634,700)	(43,666,005,354)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(52,342,595,483)	(50,969,980,109)
26	2. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		24,000,000,000	-
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		169,495,313	1,965,808,896
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(28,173,100,170)	(49,004,171,213)
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	1. Tiền thu từ đi vay		701,536,283,842	807,186,693,171
34	2. Tiền trả nợ gốc vay		(756,397,988,544)	(868,707,920,445)
36	3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		-	(30,517,800,125)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(54,861,704,702)	(92,039,027,399)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(108,333,439,572)	(184,709,203,966)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		254,451,111,627	350,115,550,587

7308
NG T
PH
NHẬP
ANG B
NG T.F

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ kế toán từ ngày	Kỳ kế toán từ ngày
			01/01/2017 đến ngày 31/03/2017	01/01/2016 đến ngày 31/03/2016
			VND	VND
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	14,022,511
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	3	<u>146,117,672,055</u>	<u>165,420,369,132</u>



Trần Thị Yến Chi
Người lậpBùi Thị Ngọc
Kế toán trưởngNguyễn Thị Thanh Hương
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2017



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0200730878 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 12 tháng 03 năm 2007, đăng ký thay đổi lần thứ 27 ngày 03 tháng 12 năm 2015.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý, Quận Hồng Bàng,

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 639.999.280.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 693.299.280.000 đồng; tương đương 69.329.928 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực kinh doanh xuất nhập khẩu các sản phẩm về phân bón và hóa chất. Trong đó, hoạt động xuất khẩu DAP của Công ty chiếm 60% sản lượng xuất khẩu của cả nước, đồng thời, hoạt động nhập khẩu, phân phối Lưu huỳnh, axit Sulfuric của Công ty cũng chiếm 40%-50% thị phần tại Việt Nam. Ngoài ra, Công ty đã mở rộng đầu tư nhà máy sản xuất phân bón NPK với công suất 80.000 tấn/năm và đầu tư hệ thống kho bãi ngoại quan như cảng ICD Đình Vũ.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa;
- Bán buôn phân bón; Bán buôn hoá chất thông thường (trừ loại sử dụng trong nông nghiệp);
- Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hoá;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy;
- Sản xuất phân bón và hợp chất Nitơ.

Cấu trúc Tập đoàn

- Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2017 bao gồm:

Tên công ty	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty Cổ phần Quảng Bình Cao Bằng	Phục Hòa, Cao Bằng	98.00%	98.00%	Kinh doanh thương mại các sản phẩm phục vụ nông nghiệp
Công ty Cổ phần Vật tư và Xuất nhập khẩu Hóa Chất	Hà Nội	36.29%	51.00%	Kinh doanh các sản phẩm phân bón, hóa chất

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

2 . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 . Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2 . Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC và Thông tư số 202/2014/TT-BTC hướng dẫn Phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 . Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính riêng của Công ty và Báo cáo tài chính của các công ty con do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày mua lại hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty đó.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty.

2.4 . Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

N. 07
C
C
XUẤT
Q
HỒNG B

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn. Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá phát hành cộng các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại chưa có các quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

2.5 . Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn: là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản tại ngày góp vốn hoặc Khi nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ: là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Nếu Công ty áp dụng tỷ giá thực tế là tỷ giá xấp xỉ thì tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

2.6 . Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, vàng tiền tệ sử dụng với các chức năng cất trữ giá trị không bao gồm các loại vàng được phân loại là hàng tồn kho sử dụng với mục đích là nguyên vật liệu để sản xuất sản phẩm hoặc hàng hóa để bán.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

2.7 . Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại thời điểm nhất định trong tương lai, các khoản cho vay,... được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên doanh liên kết mua trong kỳ bên mua xác định ngày mua, giá phí khoản đầu tư và thực hiện thủ tục kế toán theo đúng quy định của Chuẩn mực kế toán “Hợp nhất kinh doanh” và “Đầu tư vào công ty liên doanh liên kết”. Trong Báo cáo tài chính hợp nhất các khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Giá trị của cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý đối với cổ phiếu của công ty niêm yết là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán, đối với cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch trên sàn UPCOM là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM, đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác là giá thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối kỳ cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: nếu khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu; nếu khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo thì việc lập dự phòng căn cứ vào Báo cáo tài chính tại thời điểm trích lập dự phòng của bên được đầu tư.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.8 . Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

2.9 . Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập Báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

2.10 . Tài sản cố định, Tài sản cố định thuê tài chính và Bất động sản đầu tư

0878
TY
ÂN
KH
BÌNH
PHẢI

Ch

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 15 năm
- Máy móc, thiết bị	05 - 06 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 09 năm

2.11 . Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Lợi thế kinh doanh phát sinh khi cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước được phân bổ dần tối đa không quá 3 năm.

2.12 . Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

2.13 . Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

2.14 . Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

2.15 . Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như tiền lương nghỉ phép, chi phí trong thời gian ngừng sản xuất theo mùa, vụ, chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.16 . Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về cho thuê tài sản, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác như: chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ hoặc Doanh thu hoạt động tài chính theo số tiền được xác định phù hợp với từng năm tài chính.

2.17 . Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng Cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Công ty.

2.18 . Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

0200
CỔ
CỔ
UẤT N
QUẢ
VỐN BÀN

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất có liên quan.

2.19 . Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm.

2.20 . Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

2.21 . Thuế thu nhập doanh nghiệp

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

2.22 . Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,

Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

3 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	2,613,258,811	1,772,338,544
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	35,800,171,193	88,974,531,032
Tiền đang chuyển	-	-
Các khoản tương đương tiền	107,704,242,051	163,704,242,051
	<u><u>146,117,672,055</u></u>	<u><u>254,451,111,627</u></u>



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017**4 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Đầu tư ngắn hạn	17,000,000,000	17,000,000,000	17,000,000,000	17,000,000,000
- Tiền gửi có kỳ hạn	17,000,000,000	17,000,000,000	17,000,000,000	17,000,000,000
	<u>17,000,000,000</u>	<u>17,000,000,000</u>	<u>17,000,000,000</u>	<u>17,000,000,000</u>

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư vào đơn vị khác	295,089,294,645	209,006,528,009	295,089,294,645	200,547,912,600
- Công ty Cổ phần DAP - VINACHEM	295,089,294,645	209,006,528,009	295,089,294,645	200,547,912,600
	<u>295,089,294,645</u>	<u>209,006,528,009</u>	<u>295,089,294,645</u>	<u>200,547,912,600</u>
				Dự phòng VND
				(94,541,382,045)
				<u>(94,541,382,045)</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

5 . PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	<u>31/03/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng có số dư lớn		
Công ty Cổ phần DAP - Vinachem	9,797,188,911	101,294,446
Công ty TNHH Hoàng Trung	28,356,655,913	31,521,655,913
Công ty TNHH TM XNK Nhật Thụy	15,379,688,910	19,749,687,889
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	30,410,278,881	30,410,278,881
Công ty Sw Intertrade Trading	29,419,733,315	24,797,359,446
Công ty TNHH MTV TM&DV Lưu Tấn Dũng	27,048,120,588	27,048,120,588
Ông Nguyễn Lã Thảo	-	24,000,000,000
Các khoản phải thu khách hàng khác	71,794,298,192	69,670,875,820
	<u>212,205,964,710</u>	<u>227,299,272,983</u>
b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán		
Các khoản phải thu khách hàng ngắn hạn	212,205,964,710	227,299,272,983
- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	-
	<u>212,205,964,710</u>	<u>227,299,272,983</u>
c) Phải thu khách hàng là các bên liên quan	<u>-</u>	<u>-</u>
Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số .	<u>-</u>	<u>-</u>

6 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	<u>31/03/2017</u>		<u>01/01/2017</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Đầu tư và Dịch vụ Công nghiệp Thái Nguyên	-		168,673,963,097	-
Công ty Cổ phần DAP2 - Vinachem	40,000,000,000		40,000,000,000	
Công ty CP Đầu tư AFC	-		99,701,750,000	
Công ty TNHH MTV Thương mại Hoàng Đức	-		40,000,000,000	
Công ty CP Phát triển Phân Bón Đình Vũ	134,485,300,000			
Công ty CP XNK Đức Nguyễn	7,453,516,938			



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

Công ty TNHH xây dựng Dũng Huy	47,034,134,000		29,969,000,000	
Công ty CP DT Sao Thái Dương	28,977,500,000		-	
Công ty CP khu công	29,726,381,476			
Trả trước cho người bán khác	333,897,601,404	-	216,546,162,019	-
	621,574,433,818	-	594,890,875,116	-
b) Dài hạn				
Trả trước cho người bán khác	-	-	-	-
	-	-	-	-
7 . PHẢI THU KHÁC				
	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	6,208,371,017	-	6,208,371,017	-
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	-	-	-	-
Phải thu về lãi tiền gửi, tiền cho vay	3,872,576,925	-	2,770,667,422	-
Tạm ứng	15,837,032,909	-	12,413,023,085	-
Ký cược, ký quỹ	14,770,412,309	-	31,075,237,237	-
Cho mượn	-	-	-	-
Các khoản chi hộ	-	-	-	-
Lãi ứng trước tiền hàng	3,762,650,648	-	3,762,650,648	-
Phải thu Vinachimex	-	-	-	-
Phải thu theo hợp đồng ủy thác xuất, nhập khẩu	944,766,332	-	2,006,017,341	-
Phải thu khác	3,199,403,143	-	1,054,594,844	-
	48,595,213,283	-	59,290,561,594	-
b) Dài hạn				
Phải thu về cổ phần hóa	-	-	-	-
Phải thu khác	-	-	-	-
	-	-	-	-

00730
 CÔNG
 CỔ PHẦN
 XUẤT NHẬP
 KHẨU QUẢNG BÌNH
 HẢI PHÒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

8 . NỢ XẤU

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
	VND	VND	VND	VND
Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi				
- Chi tiết khoản >10% phải thu khách quá hạn	-	-	-	-
- Các khoản khác	3,910,970,435	222,378,043	3,910,970,435	222,378,043
Thông tin về các khoản tiền phạt, phải thu về lãi trả chậm ... phát sinh từ các khoản nợ quá hạn nhưng không được ghi nhận doanh thu	-	-	-	-
Khả năng thu hồi nợ phải thu quá hạn	-	-	-	-
	3,910,970,435	222,378,043	3,910,970,435	222,378,043

9 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	577,436,331	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	27,055,547,509	-	24,934,087,696	-
Công cụ, dụng cụ	751,069,061	-	447,774,691	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3,187,339,891	-	4,793,767,533	-
Thành phẩm	31,629,350,865	-	20,571,236,598	-
Hàng hoá	55,104,330,904	-	76,118,717,249	-
Hàng gửi đi bán	-	-	-	-
	118,305,074,561	-	126,865,583,767	-

10 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN

Xây dựng cơ bản dở dang

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	121,952,980,398	60,380,817,701
- Dự án Nhà máy sản xuất NPK Thủy Nguyên	-	205,215,302
- Dự án Kho Ngoại quan Đình Vũ	121,952,980,398	60,175,602,399
	121,952,980,398	60,380,817,701



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

11 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải, truyền dẫn		Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tài sản cố định khác		Cộng	
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	139,073,792,766	67,619,675,398	31,031,674,202	2,044,746,458	-	239,769,888,824	-	185,899,729,507	-	185,899,729,507	-	185,899,729,507
- Mua trong kỳ	-	-	-	58,500,000	-	58,500,000	-	-	-	-	-	58,500,000
- Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	1,563,836,579	-	-	-	-	1,563,836,579	-	-	-	-	-	1,563,836,579
Số dư cuối kỳ	140,637,629,345	67,619,675,398	31,031,674,202	2,103,246,458	-	241,392,225,403	-	241,392,225,403	-	241,392,225,403	-	241,392,225,403
Giá trị hao mòn lũy kế												
Số dư đầu năm	45,044,563,073	2,909,252,004	5,158,762,279	757,581,961	-	53,870,159,317	-	53,870,159,317	-	53,870,159,317	-	53,870,159,317
- Khấu hao trong kỳ	1,920,275,499	1,169,744,136	758,014,770	70,753,719	-	3,918,788,124	-	3,918,788,124	-	3,918,788,124	-	3,918,788,124
Số dư cuối kỳ	46,964,838,572	4,078,996,140	5,916,777,049	828,335,680	-	57,788,947,441	-	57,788,947,441	-	57,788,947,441	-	57,788,947,441
Giá trị còn lại												
Tại ngày đầu năm	94,029,229,693	64,710,423,394	25,872,911,923	1,287,164,497	-	185,899,729,507	-	185,899,729,507	-	185,899,729,507	-	185,899,729,507
Tại ngày cuối kỳ	93,672,790,773	63,540,679,258	25,114,897,153	1,274,910,778	-	183,603,277,962	-	183,603,277,962	-	183,603,277,962	-	183,603,277,962

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Giá trị quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	86,775,441,439	45,000,000	86,820,441,439
Số dư cuối kỳ	86,775,441,439	45,000,000	86,820,441,439
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	45,000,000	45,000,000
- Khấu hao trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	-	45,000,000	45,000,000
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	86,775,441,439	-	86,775,441,439
Tại ngày cuối kỳ	86,775,441,439	-	86,775,441,439

13 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Chi phí thuê đất tại Đình Vũ	7,770,885,980	7,867,712,010
Công cụ dụng cụ xuất dùng	242,330,794	265,819,092
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	677,499,631	758,333,335
	8,690,716,405	8,891,864,437
b) Dài hạn		
Chi phí thuê đất dài hạn	284,044,911,729	314,640,611,052
Chi phí trước hoạt động/chi phí chuẩn bị sản xuất	568,496,879	1,423,361,624
Công cụ dụng cụ xuất dùng	1,094,162,217	6,262,202,347
Chi phí sửa chữa tài sản	4,378,940,606	2,478,768,704
Giá trị lợi thế kinh doanh khi cổ phần hóa	1,614,559,578	1,039,318,111
Chi phí trả trước dài hạn khác	3,720,311,774	909,205,913
	295,421,382,783	326,753,467,751

14 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	nợ VND	VND	nợ VND
a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp có số dư lớn				
Công ty Marubeni	391,907,120	391,907,120	28,996,717,355	28,996,717,355
Công ty Cổ phần KCN Đình Vũ	103,365,724,800	103,365,724,800	153,361,399,576	153,361,399,576
Phải trả các đối tượng khác	81,494,527,967	81,494,527,967	50,695,417,492	50,695,417,492
	185,252,159,887	185,252,159,887	233,053,534,423	233,053,534,423
b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán				
Phải trả người bán ngắn hạn	185,252,159,887	-	233,053,534,423	-
	185,252,159,887	-	233,053,534,423	-

32007
CỔ
CỔ
XUẤT
QU
HỒNG B

308
GT
PHÁP
NHẬP
ÁNG
ÁNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

15 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	91,119,050	332,492,705	5,949,106,509	5,843,202,909	-	347,277,255
Thuế Tiêu thụ đặc biệt	-	-	-	-	-	-
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	33,176,093	-	2,886,000,989	2,852,824,896	-	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	7,553,864,080	-	5,099,815,711	9,642,353	2,463,690,722	-
Thuế Thu nhập cá nhân	-	24,131,062	-	13,527,268	-	10,603,794
Thuế Tài nguyên	-	-	-	-	-	-
Thuế Nhà đất, Tiền thuê đất	-	81,403,028	1,231,934,888	-	-	1,313,337,916
Thuế bảo vệ môi trường	-	-	-	-	-	-
Các loại thuế khác	-	-	-	-	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	12,000,000	12,000,000	-	-
	7,678,159,223	438,026,795	15,178,858,097	8,731,197,426	2,463,690,722	1,671,218,965

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

16 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Chi phí lãi vay	348,628,543	348,628,543
- Chi phí phải trả khác	-	-
	348,628,543	348,628,543

17 . PHẢI TRẢ KHÁC

	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	-
- Kinh phí công đoàn	143,617,665	82,057,509
- Bảo hiểm xã hội	105,562,450	-
- Bảo hiểm y tế	18,408,757	-
- Bảo hiểm thất nghiệp	8,181,650	-
- Phải trả về cổ phần hoá	833,000,000	833,000,000
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	32,500,000	-
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
- Phải trả lãi vay	-	-
- Tập đoàn hóa chất Việt Nam	4,739,922,009	4,739,922,009
- Liên danh Tràng Thi	1,467,166,405	1,483,411,930
- Phải trả theo hợp đồng ủy thác xuất khẩu	-	1,628,840,178
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1,675,485,150	518,472,513
	9,023,844,086	9,285,704,139
b) Dài hạn		
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	-	47,500,000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	-
- Phải trả lãi vay	-	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	-	-
	-	47,500,000

A red circular stamp is located on the right side of the page. The text inside the stamp, arranged in a circle, reads: "CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH".

**CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH**Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hà Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017**18 . VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH**

	01/01/2017		Trong kỳ		31/03/2017	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Vay ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng...	847,131,733,986	847,131,733,986	637,011,596,342	746,409,358,544	737,733,971,784	737,733,971,784
Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam						
- Chi nhánh Thủ Đức(1)	252,600,000,000	252,600,000,000	285,486,245,000	252,600,000,000	285,486,245,000	285,486,245,000
Ngân hàng Bangkok Đại chúng TNHH ⁽²⁾	55,855,500,000	55,855,500,000	36,892,387,085	34,855,500,000	57,892,387,085	57,892,387,085
Ngân hàng Maybank Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội(3)	185,096,000,000	185,096,000,000	188,731,100,000	185,096,000,000	188,731,100,000	188,731,100,000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Hải Phòng(4)	149,583,500,000	149,583,500,000	67,837,500,000	105,591,500,000	111,829,500,000	111,829,500,000
Ngân hàng HDBank Chi nhánh Hải Phòng			27,872,000,000		27,872,000,000	27,872,000,000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Hải Phòng(5)	132,806,200,000	132,806,200,000	990,947,085	132,806,200,000	990,947,085	990,947,085
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	-	-	21,786,471,660	16,454,679,046	5,331,792,614	5,331,792,614
Ngân hàng NN&PT Nông thôn - Chi nhánh Thủ Đức ⁽⁷⁾	58,000,000,000	58,000,000,000	-	-	58,000,000,000	58,000,000,000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội(6)	11,626,533,986	11,626,533,986	7,234,945,512	18,861,479,498	-	-
Vay các cá nhân	1,564,000,000	1,564,000,000	180,000,000	144,000,000	1,600,000,000	1,600,000,000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng						

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hà Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Bảo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

- Vay ngắn hạn Ngân hàng...	-	-	-	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả ...	674,520,000	674,520,000	-	168,630,000	505,890,000
Ngân hàng TMCP Quân Đội -					
Chi nhánh Hải Phòng	374,640,000	374,640,000		93,660,000	280,980,000
Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt					
Nam - Chi nhánh Hà Nội(6)	299,880,000	299,880,000		74,970,000	224,910,000
Ngân hàng TMCP Việt Nam					
Thịnh Vượng	7,000,000,000	7,000,000,000			7,000,000,000
	854,806,253,986	854,806,253,986	637,011,596,342	746,577,988,544	745,239,861,784

b) Vay dài hạn

- Công ty Cổ phần XNK Đức	140,000,000,000	140,000,000,000	-	140,000,000,000	140,000,000,000
- Nguyên(8)					
Công ty Cổ phần Quảng Bình					
Cao Bằng					
- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi					
nhánh Hải Phòng(10)	749,280,000	749,280,000			749,280,000
- Ngân hàng TMCP Công thương					
Việt Nam - CN Hải Phòng(11)	160,363,825,085	160,363,825,085	54,704,687,500	-	215,068,512,585
- Ngân hàng TMCP Quốc Tế Việt					
Nam - Chi nhánh Hà Nội(6)	924,630,000	924,630,000			924,630,000
	302,037,735,085	302,037,735,085	54,704,687,500	-	356,742,422,585

3082
3 TỶ
HÀN
LẬP K
IG BIN
3 T.P.T

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH

Số 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

19 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển		Lợi nhuận chưa phân phối		Lợi ích cổ đông không kiểm soát		Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
Số dư đầu năm nay	693,299,280,000	(3,001,100,000)	7,727,786,496	80,151,676,197	49,907,031,622	828,084,674,315					
Lãi/ổ trong kỳ này	-	-	-	17,484,252,267	(886,026,025)	16,598,226,242					
Phân phối lợi nhuận	-	-	2,034,134,904	(2,558,261,172)	-	(524,126,268)					
Giảm khác	-	(48,000,000)	-	-	(560,745,682)	(608,745,682)					
Số dư cuối kỳ này	693,299,280,000	(3,049,100,000)	9,761,921,400	95,077,667,292	48,460,259,915	843,550,028,607					

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Cuối kỳ		Tỷ lệ (%)	
	VND	VND		
Ông Nguyễn Thanh Bình	100,000,000,000	14,42%		
Bà Nguyễn Thị Hương	92,005,790,000	13,27%		
Ông Daniel Rodney Badger	54,679,500,000	7,89%		
Các cổ đông khác	446,613,990,000	64,42%		
	693,299,280,000	100%		

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

20 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	819,791,448,513	1,380,920,988,144
Doanh thu cung cấp dịch vụ	41,353,820,363	41,688,649,254
Doanh thu hợp đồng xây dựng	-	-
- <i>Doanh thu của hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong kỳ</i>	-	-
- <i>Tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng được ghi nhận đến thời điểm lập báo cáo tài chính</i>	-	-
	861,145,268,876	1,422,609,637,398
Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số .)	-	-

21 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	18,420,025,531	20,600,952,867
Giá vốn của hàng hóa đã bán	775,644,083,754	1,329,494,989,714
Trong đó: Giá vốn trích trước của hàng hóa, thành phẩm bất động sản đã bán bao gồm:		
- Hạng mục chi phí trích trước	-	-
- Giá trị trích trước vào chi phí của từng hạng mục	-	-
- Thời gian chi phí dự kiến phát sinh	-	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	23,048,133,438	6,049,478,364
Giá trị còn lại, chi phí nhượng bán, thanh lý của bất động sản đầu tư	-	-
Chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư	-	-
Hao hụt mất mát hàng tồn kho	-	-
Các khoản chi phí vượt mức bình thường	-	-
Dự phòng/hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	-
Các khoản ghi giảm giá vốn hàng bán	-	-
	817,112,242,723	1,356,145,420,945

22 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	1,271,404,816	3,385,825,923
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	20,716,261	-
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	396,299,464	3,671,881,602
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	-	-
Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
	1,688,420,541	7,057,707,525

3 - CTCP
HÀU
H
HẢI PHÒNG

CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

23 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến
	VND	VND
Lãi tiền vay	15,081,716,145	16,126,618,426
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm	-	-
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1,187,757,973	1,606,151,543
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ	173,539,031	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	(8,963,035,200)	-
Chi phí tài chính khác	-	-
	7,479,977,949	17,732,769,969

24 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến
	VND	VND
Chi phí khấu hao tài sản cố định	143,565,063	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,388,683,209	-
Chi phí khác bằng tiền	133,132,661	16,680,083,355
	9,665,380,933	16,680,083,355

25 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	#	
	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	-	-
Chi phí nhân công	2,070,943,788	-
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1,639,855,078	-
Thuế, phí, lệ phí	899,300,400	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	861,560,736	-
Chi phí khác bằng tiền	3,575,366,394	7,544,489,426
	9,047,026,396	7,544,489,426
	9,047,026,396	

26 . THU NHẬP KHÁC

	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến
	VND	VND
Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	-
Lãi do đánh giá lại tài sản	-	-
Tiền phạt thu được	-	-
Thuế được giảm	-	-
Thu nhập từ hoa hồng đại lý không phải trả	-	-
Thu nhập khác	2,325,278,108	528,992,808
	2,325,278,108	528,992,808



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

27 . CHI PHÍ KHÁC

	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến VND	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến VND
Giá trị còn lại và chi phí từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	-	-
Lỗi do đánh giá lại tài sản	-	-
Các khoản bị phạt	-	-
Chi phí khác	259,343,132	9,987,074
	259,343,132	9,987,074

28 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 VND	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4,996,770,150	6,219,109,773

29 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 VND	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến ngày 31/03/2016 VND
Lợi nhuận sau thuế	17,484,252,267	25,730,235,051
Các khoản điều chỉnh	-	-
- <i>Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- <i>Quỹ khen thưởng phúc lợi được trích từ lợi nhuận sau thuế</i>	-	-
- ...	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	17,484,252,267	25,730,235,051
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	69,329,928	63,999,928
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	252	402

30 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến VND	Kỳ kế toán từ ngày 01/01/2016 đến VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	23,243,350,049	11,159,023,399
Chi phí nhân công	2,664,361,409	1,970,665,073
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,918,788,124	6,897,309,272
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10,930,181,156	15,170,333,630
Chi phí khác bằng tiền	468,543,284	5,719,173,930
	41,225,224,022	40,916,505,304



CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNHSố 23, Lô 1, Khu 97 Bạch Đằng, Phường Hạ Lý,
Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017

31 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2017		01/01/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	146,117,672,055	-	254,451,111,627	-
Phải thu khách hàng, phải thu	260,801,177,993	-	286,589,834,577	(3,688,592,392)
Các khoản cho vay	-	-	-	-
Đầu tư ngắn hạn	17,000,000,000	-	17,000,000,000	-
Đầu tư dài hạn	295,089,294,645	(86,082,766,636)	295,089,294,645	(94,541,382,045)
	719,008,144,693	(86,082,766,636)	853,130,240,849	(98,229,974,437)

	Giá trị sổ kế toán	
	31/03/2017	01/01/2017
	VND	VND
Nợ phải trả tài chính		
Vay và nợ	1,101,982,284,369	1,156,843,989,071
Phải trả người bán, phải trả khác	194,276,003,973	242,386,738,562
Chi phí phải trả	348,628,543	348,628,543
	1,296,606,916,885	1,399,579,356,176

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc năm tài chính năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

Người lập



Trần Thị Yến Chi

Kế toán trưởng



Bùi Thị Ngọc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thanh Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN
XUẤT NHẬP KHẨU QUẢNG BÌNH
Số:0204/2017/PKT

Cộng Hoà Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc
*****00*****

Hải Phòng, ngày 28 tháng 04 năm 2017

Kính gửi : - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam

- Sở giao dịch chứng khoán TP Hồ Chí Minh

- Căn cứ Khoản 4 điều 11 Thông tư số 155/2015/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06/10/2015.

- Căn cứ quy trình công bố thông tin của Công ty CP xuất nhập khẩu Quảng Bình.

Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình (Mã cổ phiếu: QBS) xin giải trình về chỉ tiêu số 60: Lợi nhuận sau thuế trên BCTC hợp nhất quý I/2017 như sau:

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2017 đến ngày 31/03/2017 của Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Quảng Bình, tổng lợi nhuận sau thuế trên Báo cáo KQHĐKD của Công ty đạt 16.598 tỷ đồng, giảm 8,589 tỷ đồng so với quý I/2016. Nguyên nhân được xác định cụ thể như sau:

- Tổng doanh thu Quý I/2017 của Công ty đạt 861,145 tỷ đồng, giảm 561,464 tỷ đồng tương ứng giảm 39,47% so với quý I/2016. Doanh thu hoạt động tài chính giảm 5,369 tỷ đồng so với quý I/2016, tương ứng giảm 76,08%.
- Chi phí tài chính giảm 10,252 tỷ đồng tương ứng giảm 57,82% so với quý I/2016 do trong quý I/2017 Công ty đã thực hiện hoàn nhập trích lập dự phòng khoản đầu tư tài chính đối với khoản đầu tư vào Công ty CP DAP-VINACHEM là 8,963 tỷ đồng. Lợi nhuận khác tăng 1,546 tỷ đồng, tương ứng tăng 298%.
- Vì sự tăng giảm của các chỉ tiêu trên nên Tổng lợi nhuận sau thuế quý I/2017 giảm 8.589 tỷ đồng tương ứng giảm 34,1% so với quý I/2016.

Bằng công văn này, Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu Quảng Bình kính giải trình lên HOSE và UBCKNN về sự biến động của lợi nhuận sau thuế đối với Kết quả kinh doanh quý I/2017 của Công ty.

Trân trọng.

Nơi nhận:

- Như Kính gửi
- Lưu VP



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thanh Hương